

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÒA BÌNH

Số: 1051/TMBG-BVĐKHB
V/v Thư mời chào báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 25 tháng 7 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư Theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu. Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Đấu thầu, luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật Hải quan, luật Thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật Đầu tư, luật Đầu tư công, và luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ nhu cầu khám, chữa bệnh và Kế hoạch phát triển của Bệnh viện.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm Cung cấp dịch vụ vệ sinh Bệnh viện tham gia chào giá theo nội dung cụ thể dưới đây:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Địa chỉ: Đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ.

2. Thông tin liên hệ: Cán Thị Thoa, Số điện thoại: 02183896545-126

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp văn thư theo địa chỉ: Tổ đấu thầu mua sắm, Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ. (Trên bì thư ghi rõ: Báo giá cho thư mời báo giá số.... ngày ... tháng ... năm 2025).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 05 ngày kể từ ngày đăng tải trên website của Bệnh viện.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày nhà cung cấp chào báo giá theo nội dung của Thư mời chào báo giá này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ: Cung cấp dịch vụ vệ sinh Bệnh viện của Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình. *(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).*

2. Hồ sơ báo giá gồm các tài liệu:

- Thư báo giá dịch vụ theo Phụ lục đính kèm
- Hồ sơ năng lực của công ty (01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác có ngành nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu.)

3. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Địa chỉ: Đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ.

4. Thời gian cung cấp dịch vụ dự kiến: 01 tháng.

5. Mẫu Báo giá: *Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm.*

Lưu ý: Đơn giá của quý công ty đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có), bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm. *✍*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (BC);
- Các khoa, phòng Bệnh viện;
- Phòng CTXH (Đăng tải Website Bv);
- Lưu VT; Tổ đấu thầu.

GIÁM ĐỐC

✍
Nguyễn Hoàng Diệu



PHỤ LỤC SỐ 01: DANH MỤC DỊCH VỤ CUNG CẤP

(Kèm theo thư mời Số: 1051 /TMBG-BVĐKHB, ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình)

Phần A: Phạm vi cung cấp dịch vụ (Thực hiện trong vòng 01 tháng)

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung yêu cầu tối thiểu để thực hiện dịch vụ
1	Cung cấp dịch vụ vệ sinh Bệnh viện năm 2025-2026 (12 tháng)	Tháng	01	Chi tiết tại phần B
	Cộng: 02 khoản			

Phần B: Nội dung yêu cầu tối thiểu để thực hiện dịch vụ

I. Diện tích, nhân lực, tần suất làm việc:

STT	Khu vực làm việc	Diện tích (M2)	Số nhân lực tối thiểu (người)	Thời gian làm việc tối thiểu	Giờ hành chính : Sáng từ 06h00-11h00; Chiều: từ 13h00-16h00	Ca 1: Từ 6h00-14h00 Ca 2: Từ 14h00-22h00 Ca 3: Từ 22h00-6h00	Ca ngoài giờ từ 11h00 - 13h30 và 17h-22h	Ca trực ngoài giờ 11h00 - 13h00 và 17h-06h00
1	Đơn nguyên Đột Quỵ HSCC (Tầng 2,3 nhà A1)	2.438	1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
2	Khoa Ban bảo vệ sức khỏe (Tầng 1 nhà A1)		0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
3	Khoa Y, dược học cổ truyền (Nhà B13)	622,5	1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
4	Khoa Chẩn đoán hình ảnh (Tầng 1 nhà B3)	3.948	1,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,5			
5	Khoa Huyết học (Tầng 2 nhà B3)		0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
6	Khoa Hóa sinh (Tầng 2 nhà B3)		0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
7	Khoa Hồi sức tích cực 2 (Tầng 2 nhà B3)		2	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0			
8	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức (Tầng 3 nhà B3)		2	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0			

STT	Khu vực làm việc	Diện tích (M2)	Số nhân lực tối thiểu (người)	Thời gian làm việc tối thiểu	Giờ hành chính : Sáng từ 06h00-11h00; Chiều: từ 13h00-16h00	Ca 1: Từ 6h00-14h00 Ca 2: Từ 14h00-22h00 Ca 3: Từ 22h00-6h00	Ca ngoài giờ từ 11h00 - 13h30 và 17h-22h	Ca trực ngoài giờ 11h00 - 13h00 và 17h-06h00
9	Phòng khám+Phòng nội soi tiêu hóa theo yêu cầu (Tầng 1 nhà B8), nhà A6	4.010	1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
10	Khoa Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình (Tầng 1 nhà B8)		0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
11	Khoa Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình (Tầng 2 nhà B8)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
12	Khoa Ngoại Tổng hợp (Tầng 3 nhà B8)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
13	Khoa Ngoại Tổng hợp (Tầng 4 nhà B8)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
14	Khoa Ngoại Thần Kinh (Tầng 5 nhà B8)		1,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,5			
15	Khoa Da liễu (Tầng 1 nhà B7)	4.604	0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
16	Kho Dược, Phòng Quản Lý Chất Lượng, Khoa dinh dưỡng (Tầng 1 nhà B7)		0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
17	Khoa Phục hồi chức năng (Tầng 2 nhà B7)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
18	Khoa Ngoại Tiết niệu - Nam học (Tầng 3 nhà B7)		2	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0			
19	Khoa Nội tiết (Tầng 4 nhà B7)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
20	Khoa Tai mũi họng (Tầng 5 nhà B7)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
21	Khoa Nhi (Tầng 1 nhà B6)	3.895	2	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0			
22	Đơn nguyên Sơ sinh khoa Nhi (Tầng 2 nhà B6)		2	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0			
23	Khoa Sản (Tầng 3 nhà B6)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
24	Khoa Sản (Tầng 4 nhà B6)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			

STT	Khu vực làm việc	Diện tích (M2)	Số nhân lực tối thiểu (người)	Thời gian làm việc tối thiểu	Giờ hành chính : Sáng từ 06h00-11h00; Chiều: từ 13h00-16h00	Ca 1: Từ 6h00-14h00 Ca 2: Từ 14h00-22h00 Ca 3: Từ 22h00-6h00	Ca ngoài giờ từ 11h00 - 13h30 và 17h-22h	Ca trực ngoài giờ 11h00 - 13h00 và 17h-06h00
25	Khoa Mắt (Tầng 5 nhà B6)	396	0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
26	Khoa Răng hàm mặt (Tầng 5 nhà B6)		0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
27	Nhà ga ra ô tô+xưởng sản xuất chân tay giả+cộng hưởng từ+ phòng HCQT (Nhà B18)	1.200	1,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,5			
28	Khoa Dược , Quầy thuốc bệnh viện + Phòng Vật Tư - Thiết bị y tế + lưu trữ hồ sơ chứng từ bệnh án (Nhà G22)	390		2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
29	Khoa Tâm thần kinh (Nhà B12)	370,5	1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
30	Khoa Truyền nhiễm (Nhà B11)	1.128	3	2 lần/ngày 7 ngày/tuần		3		
31	Khoa Hồi sức cấp cứu + Phòng khám chung hành lang		0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
32	Phòng Điều dưỡng + Phòng Công tác xã hội (Tầng 2 nhà HSCC)	10.116	1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
33	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn + Phòng ban (Tầng 3 nhà B9)		0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
34	Khoa Vi sinh (Tầng 1 nhà B9)		3	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0		1	
35	Khoa Thận Nhân Tạo (Tầng 2 nhà B9) ca hành chính, (ca ngoài giờ từ 10h30-13h30 và 17h-22h)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
36	Khoa Hồi sức tích cực 1 (Tầng 3 nhà B9)		3	2 lần/ngày 7 ngày/tuần		3		
37	Khoa Hồi sức tích cực 1 (Tầng 4 nhà B9)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
38	Khoa Nội tim mạch (Tầng 5 nhà B9)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
39	Khoa Nội tim mạch (Tầng 6 nhà B9)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			

STT	Khu vực làm việc	Diện tích (M2)	Số nhân lực tối thiểu (người)	Thời gian làm việc tối thiểu	Giờ hành chính : Sáng từ 06h00-11h00; Chiều: từ 13h00-16h00	Ca 1: Từ 6h00-14h00 Ca 2: Từ 14h00-22h00 Ca 3: Từ 22h00-6h00	Ca ngoài giờ từ 11h00 - 13h30 và 17h-22h	Ca trực ngoài giờ 11h00 - 13h00 và 17h-06h00
40	Khoa Nội Tổng hợp (Tầng 7 nhà B9)		2	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0			
41	Khoa Nội Hô hấp lao (Tầng 8 nhà B9)		2	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0			
42	Khoa Nội Tiêu hóa (Tầng 9 nhà B9)		2	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0			
43	Khối phòng ban (Tầng 1, 4 nhà B5)	5.096	0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
44	Khoa Ngoại Ung bướu (Tầng 2,3 và tầng hầm)		2	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	2,0			
45	Khoa Giải phẫu bệnh (Tầng 5 nhà B5)		0,5	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	0,5			
46	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức (Tầng 6 nhà B5)		1	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	1,0			
47	Khoa Khám Bệnh (Nhà A5)	1.002	3	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	3,0			
48	Ngoại Cảnh(Khuôn viên ngoại cảnh gồm: khu vực nhà xe, cổng, đường đi nội bộ, sân trước và sau, đường đi xung quanh các tòa nhà, vườn hoa cây cảnh (bao gồm cả nhỏ cỏ), hòn non bộ (vệ sinh xung quanh), ghế ngồi chờ, hành lang, mái nhà (các mái tiếp cận an toàn), cổng rãnh...vv; nhà lưu giữ chất thải	17.831	3	2 lần/ngày 7 ngày/tuần	3,0			
49	Giám sát + Tổ trưởng		2		2,0			
50	Trực ngoài giờ hành chính (Trực chung toàn viện)		1					1
51	Nhà VS công cộng nhà B3,A5 đầu hồi A1		2		2,0			
52	Tổ định kỳ/ thay thế: làm vệ sinh định kỳ trên cao + Nhân viên chạy máy chà sàn		4		4,0			
	Cộng	57.047	67	0	59,0	6,0	1,0	1,0

❖ Yêu cầu về công nhân vệ sinh:

- Cam kết người lao động phải đảm bảo sức khỏe, được khám sức khỏe định kỳ và có độ tuổi nằm trong độ tuổi lao động được quy định tại Bộ Luật Lao động hiện hành và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn kèm theo;

- Người lao động được đào tạo về an toàn lao động, kiểm soát nhiễm khuẩn để đảm bảo làm việc trong cơ sở y tế;

- Cam kết người lao động được trang bị đầy đủ đồng phục lao động: quần áo, mũ, giày/dép.... và được trang bị đồng phục bảo hộ lao động.

- Cam kết Đơn vị tự bố trí nơi ở, chỗ để xe cho người lao động

(*) Số lần làm sạch trong ngày được cố định theo bảng trên là tối thiểu, nhà cung cấp dịch vụ phải thực hiện duy trì và xử lý ngay lập tức các trường hợp phát sinh khác.

II. Yêu cầu máy móc, dụng cụ, hóa chất làm sạch tối thiểu cần để thực hiện dịch vụ.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu cần có
I. Thiết bị máy móc, công cụ, dụng cụ			
1	Máy đánh sàn liên hợp	Cái	1
2	Máy đánh sàn đơn	Cái	2
3	Máy hút bụi, hút nước 80 lít	Cái	2
4	Máy cắt cỏ	Cái	1
5	Máy phun rửa áp lực cao	Cái	1
6	Bình xịt nhựa	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
7	Bàn cọ nhà vệ sinh	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
8	Chổi nhựa	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
9	Búi cọ sắt	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
10	Bàn chải tay	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
11	Phốt cọ xanh	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
12	Cốc đo lường	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
13	Băng xô	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
14	Kẹp gấp rác	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
15	Ky hút rác	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu cần có
16	Dũil kẹo cao su	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
17	Gạt nước inox	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
18	Chỗil sương (không cán)	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
19	Cây lắp móp	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
20	Xô 5 lít	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
21	Xô 10 lít	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
22	Xô 15 lít có nắp đậy	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
23	Xô 120 lít	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
24	Bộ gạt kính	Bộ	Theo nhu cầu thực tế
25	Quét mạng nhện	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
26	Thang ghế 2m	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
27	Xe vận chuyển rác bằng Inox	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
28	Biển cảnh báo trơn trượt	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
29	Túi đựng rác các loại (Đầy đủ các thể tích, màu sắc theo quy định)	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
II. Tảil, khẩnl lau			
1	Tảil lau màu đỏ 45cm	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
2	Tảil lau màu vàng 45cm	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
3	Tảil lau màu xanh 45cm	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
4	Tảil lau màu tím 45cm	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
5	Tảil lau màu trắng 45cm	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
6	Khẩnl lau bề mặt màu đỏ	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu cần có
7	Khăn lau bề mặt màu xanh	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
8	Khăn lau bề mặt màu tím	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
9	Khăn lau bề mặt màu trắng	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
10	Khăn lau bề mặt màu vàng	Chiếc	Theo nhu cầu thực tế
III. Hóa chất làm sạch			
1	Hóa chất lau kính	lít	Theo nhu cầu thực tế
2	Hóa chất làm sạch và khử khuẩn sàn nhà	Lít	Theo nhu cầu thực tế
3	Hóa chất làm sạch nhà vệ sinh	Lít	Theo nhu cầu thực tế
4	Hóa chất làm sạch đa năng: Kim loại, mạ, men, sứ, nhựa, inox	Lít	Theo nhu cầu thực tế
5	Hóa chất khử mùi	Lít	Theo nhu cầu thực tế
6	Hóa chất khử khuẩn Javel (đủ nồng độ theo quy định của Bộ Y tế)	Lít	Theo nhu cầu thực tế
7	Hóa chất khử khuẩn (Viên nén khử khuẩn thành phần chính Sodium Dichloroisocyanurate $\geq 50\%$ như: Presept 2,5g, Presept 5g, Gemisep 2,5g, Gemisep 5g,...)	Viên	Theo nhu cầu thực tế
8	Hóa chất tẩy cặn bẩn	Lít	Theo nhu cầu thực tế
9	Bột giặt/Nước giặt	Kg/lít	Theo nhu cầu thực tế

Hóa chất khử khuẩn sử dụng vào các khu vực yêu cầu theo đúng quy trình khử khuẩn của bệnh viện.

III. Yêu cầu về nội dung công việc

A. Khu vực ngoại cảnh: 17.831 m²

- Vị trí: Ngoại Cảnh (Khuôn viên ngoại cảnh gồm: khu vực nhà xe, công, đường đi nội bộ, sân trước và sau, đường đi xung quanh các tòa nhà, vườn hoa cây cảnh (bao gồm cả nhỏ cỏ), hòn non bộ (vệ sinh xung quanh), ghế ngồi chờ, hành lang, mái nhà (các mái tiếp cận an toàn), cống rãnh...vv; nhà lưu giữ chất thải.

- Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
-----	-------------------	--------------------

1	Vệ sinh và thu gom chất thải từ các thùng đựng chất thải công cộng	2 lần/ngày và khi phát sinh nhiều x 7 ngày/tuần
2	Vệ sinh các bảng hiệu, bảng chỉ dẫn bên ngoài	2 tuần/lần
3	Vệ sinh hòn non bộ, bồn hoa, cây cảnh, khu vực hàng rào, bãi giữ xe, các vị trí mái nhà cấp 4, hành lang đường cầu, tầng mái hành lang đường cầu, dọn dẹp vệ sinh khu vực phía trước và sau Bệnh viện).	2 lần/tháng và khi phát sinh nhiều
4	Nhặt cỏ, cắt tỉa cây cảnh (trừ các cây xanh cao trên 3m), tưới cây, phun thuốc, bón phân...).	1 lần/ngày và khi phát sinh nhiều

B. Khu vực hành chính, khu vực phụ trợ, không trực tiếp nằm trong diện tích khám, chữa bệnh: 2.128 m²

Vị trí: Khu văn phòng, phòng trực bảo vệ, Hội trường.

- Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
1	Vệ sinh sàn bằng hóa chất làm sạch	2 lần/ngày x 5 ngày/tuần lần/ngày x 7 ngày/tuần)
2	Thu gom chất thải	2 lần/ngày và khi phát sinh nhiều x 5 ngày/tuần lần/ngày và khi phát sinh nhiều x 7 ngày/tuần)
3	Quét màng nhện	1 tháng/lần
4	Tổng vệ sinh cửa ra vào	1 tuần/lần
5	Vệ sinh tường gạch men và bề mặt cửa sổ	1 lần/ngày x 5 ngày/tuần
6	Vệ sinh sàn bằng máy chà sàn	2 tuần/lần
7	Vệ sinh kính cửa mặt trong và ngoài kể cả khung, dưới 2m	1 lần/tuần
8	Vệ sinh kính cửa mặt trong kể cả khung, trên 2m	1 lần/tuần
9	Vệ sinh thùng chứa chất thải	1 lần/tuần
10	Tiêu diệt các côn trùng	Khi phát sinh

C. Khu vực các khoa lâm sàng, cận lâm sàng: 21.378.896 m²

C.1. Khu vực phòng bệnh vô trùng

- Vị trí: Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức, Phòng tim mạch can thiệp.

- Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
1	Vệ sinh sàn với hóa chất làm sạch	2 lần/ngày x 7 ngày/tuần
2	Vệ sinh sàn bằng hóa chất diệt khuẩn	2 lần/ngày x 7 ngày/tuần
3	Thu gom chất thải	2 lần/ngày và khi phát sinh nhiều x 7 ngày/tuần
4	Vệ sinh thùng chứa chất thải	1 lần/ngày x 5 ngày/tuần

5	Vệ sinh và khử khuẩn bàn mổ sau mỗi ca mổ bằng hóa chất diệt khuẩn	Sau mỗi ca mổ x7 ngày/tuần
6	Vệ sinh tường gạch men và bệ cửa sổ	1 lần/ngày x 5 ngày/tuần
7	Vệ sinh nơi rửa tay của kíp phẫu thuật	2 lần/ngày và sau khi phẫu thuật viên rửa tay x 7 ngày/tuần
8	Vệ sinh giường và tủ đầu giường bằng hóa chất khử khuẩn	1 lần/tuần
9	Quét màng nhện	1 tháng/lần
10	Tổng vệ sinh cửa ra vào	1 lần/ tuần
11	Vệ sinh sàn bằng máy chà sàn	1 lần/ tuần
12	Vệ sinh kính cửa mặt trong và ngoài kể cả khung, dưới 2m	1 lần/tuần
13	Vệ sinh kính cửa mặt trong kể cả khung, trên 2m	1 lần/tuần
14	Tiêu diệt các côn trùng	Khi phát sinh
15	Tổng vệ sinh các phòng mổ	Hàng tuần

C.2. Phòng bệnh chăm sóc đặc biệt

- Vị trí: Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc, Phòng Hậu phẫu 24h đầu (Khoa Sản), Phòng hồi sức sơ sinh, Phòng điều trị bỏng, Phòng bệnh của đơn vị tim mạch can thiệp, Phòng chạy thận khoa thận nhân tạo, phòng hậu phẫu khoa Ngoại Thần kinh, Phòng tiểu phẫu Khoa Mắt, Phòng tiểu phẫu Khoa RHM, Khoa Xét nghiệm (Phòng xét nghiệm PCR, Phòng Xét nghiệm vi sinh)...

- Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
1	Vệ sinh sàn với hóa chất làm sạch	3 lần/ngày x 7 ngày/tuần
2	Vệ sinh sàn bằng hóa chất diệt khuẩn	3 lần/ngày x 7 ngày/tuần
3	Thu gom chất thải	2 lần/ngày và khi phát sinh nhiều x 7 ngày/tuần
4	Vệ sinh thùng chứa chất thải	1 lần/ngày x 7 ngày/tuần
5	Vệ sinh và khử khuẩn bàn sinh sau mỗi ca sinh bằng hóa chất diệt khuẩn	Sau mỗi ca sanh x7 ngày/tuần
6	Vệ sinh tủ đầu giường bằng hóa chất khử khuẩn	1 lần/tuần và khi bệnh nhân tử vong, chuyển viện, chuyển khoa hoặc ra viện
7	Quét màng nhện	1 tháng/lần
8	Tổng vệ sinh cửa ra vào	1 lần/tuần
9	Vệ sinh sàn bằng máy chà sàn	1 lần/tuần
10	Vệ sinh kính cửa mặt trong và ngoài kể cả khung, dưới 2m	1 lần/tuần
11	Vệ sinh kính cửa mặt trong kể cả khung, trên 2m	1 lần/tuần
12	Vệ sinh tường gạch men, bệ cửa sổ	1 lần/ngày
13	Vệ sinh giường bệnh bằng hóa chất khử khuẩn	1 lần/tuần và khi bệnh nhân tử vong, chuyển viện, chuyển khoa hoặc ra viện

14	Tiêu diệt các côn trùng	Khi phát sinh
----	-------------------------	---------------

C.3. Phòng bệnh

- Vị trí: Khoa khám bệnh - Cấp cứu (khu vực cấp cứu, phòng khám đa khoa), Khoa Ngoại (Tổng hợp, Chấn thương chỉnh hình, Thần kinh, tiết niệu), Khoa Nội (Nội hô hấp, Nội tiêu hóa, Nội tim mạch lão khoa, nội tổng hợp), Khoa Sản, Khoa Nhi, các Khoa chuyên khoa (Mắt, Răng hàm mặt, Tai mũi họng, thận nhân tạo), Khoa Truyền nhiễm, Khoa bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, Khoa Ung bướu, Khoa YHCT, Khoa PHCN-VLTL, Khoa Da liễu, các Khoa cận lâm sàng (Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Thăm dò chức năng, Giải phẫu bệnh lý)...

- Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
1	Vệ sinh sàn với hóa chất làm sạch	2 lần/ngày x 7 ngày/tuần
2	Vệ sinh sàn bằng hóa chất diệt khuẩn	2 lần/ngày x 7 ngày/tuần
3	Thu gom chất thải	2 lần/ngày và khi phát sinh nhiều x 7 ngày/tuần
4	Vệ sinh bàn khám bằng hóa chất khử khuẩn	2 lần/ngày x 5 ngày/tuần
5	Quét màng nhện	1 tháng/lần
6	Tổng vệ sinh cửa ra vào	1 lần/tuần
7	Vệ sinh tường gạch men và bề mặt cửa sổ	1 lần/ngày x 7 ngày/tuần
8	Vệ sinh máng đèn, quạt thông gió	1 tháng/lần
9	Vệ sinh sàn bằng máy chà sàn	2 tuần/lần
10	Vệ sinh tủ đầu giường, giường bệnh bằng hóa chất khử khuẩn	1 lần/tuần và khi bệnh nhân tử vong, chuyển viện, chuyển khoa hoặc ra viện
11	Vệ sinh kính cửa mặt trong và ngoài kể cả khung, dưới 2m	1 lần/tuần
12	Vệ sinh kính cửa mặt trong kể cả khung, trên 2m	1 lần/tuần
13	Vệ sinh thùng chứa chất thải	1 lần/tuần và khi bẩn
14	Tiêu diệt các côn trùng	Khi phát sinh

C.4. Khu vực công cộng

- Vị trí: Khu vực sảnh, hành lang, cầu thang, khu vực nhà vệ sinh và thu gom chất thải.

- Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

C.4.1. Khu vực sảnh, hành lang

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
1	Vệ sinh sàn với hóa chất làm sạch	2 lần/ngày x 7 ngày/tuần
2	Vệ sinh sàn bằng hóa chất diệt khuẩn (khu vực công cộng có bệnh nhân, người nhà bệnh nhân)	2 lần/ngày x 7 ngày/tuần
3	Thu gom chất thải	2 lần/ngày và khi phát sinh nhiều x 7 ngày/tuần
4	Vệ sinh thùng chứa chất thải	1 lần/ ngày x 7 ngày/tuần
5	Vệ sinh sàn bằng máy chà sàn	1 tuần/lần

6	Vệ sinh bảng hiệu, bảng chỉ dẫn bên ngoài	2 tuần/lần
7	Vệ sinh kính cửa mặt trong và ngoài kể cả khung, dưới 2m	1 tuần/lần
8	Vệ sinh kính cửa mặt trong kể cả khung, trên 2m	1 tuần/lần
9	Quét màng nhện	1 tháng/lần
10	Tiêu diệt các côn trùng	Khi phát sinh

C.4.2. Khu vực cầu thang bộ

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
1	Vệ sinh các bậc thang và tay vịn với hóa chất làm sạch, hóa chất khử khuẩn	1 lần/ngày x 7 ngày/tuần
2	Thu gom chất thải	2 lần/ngày và khi phát sinh nhiều x 7 ngày/tuần
3	Vệ sinh thùng chứa chất thải	1 lần/ ngày x 7 ngày/tuần
4	Vệ sinh các kẽ bậc cầu thang, loại bỏ kẹo cao su (khi phát sinh)	1 tuần/lần
5	Vệ sinh cửa kính mặt trong	1 tuần/lần
6	Quét màng nhện	1 tháng/lần
7	Tiêu diệt các côn trùng	Khi phát sinh

C.4.3. Khu vực cầu thang máy

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
1	Vệ sinh sàn với hóa chất làm sạch, hóa chất khử khuẩn	1 lần/ngày x 7 ngày/tuần
2	Vệ sinh tường, trần, cánh cửa, các kẽ, mặt trong và mặt ngoài thang máy	1 lần/ngày x 7 ngày/tuần
3	Thu gom chất thải	2 lần/ngày và khi phát sinh nhiều x 7 ngày/tuần
4	Quét màng nhện	1 tháng/lần
5	Tiêu diệt các côn trùng	Khi phát sinh

C.4.4. Khu nhà vệ sinh (công cộng và các khoa/phòng)

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
1	Vệ sinh bồn rửa mặt, gương, bồn tiểu, bồn vệ sinh bằng hóa chất làm sạch và diệt khuẩn, đảm bảo khô	2 lần/ngày x 7 ngày/tuần
2	Vệ sinh sàn nhà vệ sinh bằng hóa chất tẩy rửa, dọn sạch chất thải trong thùng chất thải, khử mùi, chùi rửa thùng chất thải, đảm bảo sạch, khô, không mùi hôi	2 lần/ngày x 7 ngày/tuần
3	Vệ sinh cửa, vách ngăn và các kẽ tường	1 lần/ngày x 7 ngày/tuần
4	Tổng vệ sinh nhà vệ sinh vào cuối ngày và khử mùi	1 lần/ngày x 7 ngày/tuần
5	Vệ sinh máng đèn, quạt thông gió	1 tháng/lần
6	Vệ sinh thùng chứa nước	1 tuần/lần

7	Vệ sinh tường gạch men, bề cửa kính cửa sổ	2 tuần/lần
8	Quét màng nhện	1 tháng/lần
9	Tiêu diệt các côn trùng	Khi phát sinh

C.4.5. Thu gom chất thải

STT	Chi tiết làm sạch	Tần suất tối thiểu
1	Chất thải từ các khoa phòng được thu gom và vận chuyển đến nhà chứa chất thải theo tần suất thu gom chất thải của từng khoa	2 lần/ngày và theo tần suất của mỗi khoa x 7 ngày/tuần hoặc khi cần

D. Kính mặt ngoài các vị trí trên 2m:

Thực hiện vệ sinh kính mặt ngoài tất cả các vị trí trên 2m định kỳ 3 tháng/1 lần (4 lần/năm) hoặc theo yêu cầu của bệnh viện.



PHỤ LỤC 2 MẪU BÁO GIÁ
BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình

Công ty Có địa chỉ tại, số đăng ký kinh doanhđược cấp bởi....., số điện thoại:.....
Căn cứ theo thư mời báo giá số: 1051/TMBG-BVĐKHB ngày 25/7/2025 của Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình và khả năng cung ứng của công ty. Chúng tôi xin gửi tới quý Bệnh viện bảng báo giá dịch vụ vệ sinh Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình như sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dịch vụ vệ sinh	Tháng	01		
Cộng: 01 khoản					

Bằng chữ:.....

- Tổng giá trị của dịch vụ trong báo giá đã bao gồm chi phí: nhân công, máy móc, công cụ dụng cụ, hóa chất trong thời gian 01 tháng, đã bao gồm các chi phí, thuế VAT và các loại thuế khác theo quy định hiện hành;
- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin của yêu cầu báo giá]*.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 01 tháng
- Chúng tôi cam kết:
 - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị hàng hóa, dịch vụ trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

